ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
KHOA VĂN HÓA HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

* Tên môn học:

+ Tiếng Việt: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

+ Tiếng Anh: Essentials of Vietnamese Culture

* Mã số môn học:
* Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

Kiến thức cơ sở ngành

* Kiến thức khác
* Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

Kiến thức (cơ bản) đại cương

Kiến thức chuyên ngành

□ Môn học chuyên về kỹ năng chung

* Số tín chỉ: 02

+ Tín chỉ lý thuyết: 2 (30 tiết trên lớp, 60 giờ tự học)

+ Tín chỉ thực hành: 0

* Môn học tiên quyết/Môn học trước: (không yêu cầu)
* Môn học song hành: các học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương

1. Mô tả môn học

Môn học thuộc khối kiến thức đại cương, gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, phương pháp tiếp cận một vấn đề, một hiện tượng văn hóa dân tộc.

1. Tài liệu học tập
2. Trần Ngọc Thêm. (1997/1999). *Cơ sở văn hoả Việt Nam.* HN: Giáo dục.
3. Trần Quốc Vượng (cb). (1999/2002). *Cơ sở văn hoá Việt Nam.* HN: Giáo dục.

Tài liệu đọc thêm:

1. Ngô Đức Thịnh. (2019). *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, TP.HCM: ĐHQG.
2. Phan Ngọc. (1998). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. HN: Văn hóa Thông tin.
3. Trần Ngọc Thêm. (2004/2006). *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam.* TP.HCM: TP.HCM. Các tài liệu khác do giảng viên phụ trách cung cấp.

Phần mềm:

- Trang Web/CDs tham khảo:<http://vanhoahoc.hcmussh.edu.vn/>

1. Mục tiêu môn học

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên ngành khoa học xã hội và nhân văn kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa, cơ sở hình thành và đặc điểm của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, cách tiếp cận một vấn đề, một hiện tượng văn hóa dân tộc. Đồng thời, môn học góp phần bồi dưỡng ý thức bảo tồn, và phát triển văn hóa dân tộc cho sinh viên.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** | **TĐNL** |
| G1 | Cung cấp kiến thức về khái niệm văn hóa, các đặc trưng và các chức năng cơ bản của văn hóa, cấu trúc hệ thống văn hóa. | * Trình bày và vận dụng được tri thức lý luận và thực tiễn cơ bản về lĩnh vực KHXH&NV, nhằm ứng dụng kiến thức liên ngành trong chuyên môn. * Phân tích và tổng hợp | 3.0 |
| G2 | Trang bị kiến thức về chủ thể VH, không gian VH và đặc điểm các vùng văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa VN. | 3.0 |
| G3 | Phát triển năng lực phân tích về đặc điểm văn | 3.0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | hóa vật chất Việt Nam và tinh thần bảo tồn, phát huy văn hóa vật chất | được kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.  - Thể hiện được tinh thần tự hào dân tộc, trân trọng, bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc |  |
| G4 | Phát triển năng lực phân tích về đặc điểm văn hóa tinh thần Việt Nam và tinh thần bảo tồn, phát huy văn hóa tinh thần. | 3.0 |
| G5 | Phát triển năng lực phân tích về đặc điểm văn hóa xã hội Việt Nam và tinh thần bảo tồn, phát huy văn hóa xã hội. | 3.0 |

**5. Chuẩn đầu ra môn học**

Ị Ị•

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR**  (Sau khi kết thúc môn học, SV được kỳ vọng có khả năng) | **MĐGD** |
| G1.1 | *Trình bày* được định nghĩa văn hóa (sv nắm được ít nhất 03 định nghĩa: của E.B.Tylor, của Unessco và Trần Ngọc Thêm) và đặc điểm của văn hóa trong quan hệ với một số khái niệm khác như văn minh, văn hiến, văn vật. | T2 |
| G1.2 | *Trình bày và phân tích* được các đặc trưng cơ bản của văn hóa (tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh, tính lịch sử). [tính đa diện, tính hình tượng-biểu tượng, tính nghệ thuật (hoàn thiện), tính nhân văn] | T2 |
| G1.3 | *Trình bày và phân tích* được các chức năng cơ bản của văn hóa (tổ chức và điều chỉnh xã hội, giao tiếp, nhận thức giáo dục, đảm bảo tính kế tục lịch sử). [nhận thức, thẩm mỹ, giải trí, dự báo, giáo dục] | T2 |
| G1.4 | *Diễn giải* được cấu trúc của hệ thống văn hóa:   * Nêu được một số cách chia thành tố của hệ thống văn hóa (vật chất - tinh thần; vật thể - phi vật thể; vật chất - tinh thần - xã hội; nhận thức - tổ chức - ứng xử) * Chỉ ra mối quan hệ tương tác giữa các thành tố trong hệ thống văn hóa. | T2 |
| G2.1 | *Diễn giải* được đặc điểm chủ thể văn hóa Việt Nam về nguồn gốc và tính đa dạng về mặt tộc người; | T2 |
| G2.2 | *Diễn đạt* được không gian văn hóa Việt Nam và cách phân vùng văn hóa Việt Nam (theo cách chia 6 vùng văn hóa của Trần Quốc Vượng); | T2 |
| G2.3 | *Phân kỳ được* các giai đoạn trong tiến trình văn hóa Việt Nam và *mô tả* đặc điểm của các giai đoạn:   * Nêu được một số cách phân kỳ (theo lớp văn hóa, theo thời kỳ - giai đoạn) * Nêu được đặc điểm của các lớp văn hóa: lớp văn hóa bản địa (tiêu biểu là văn hóa Đông Sơn), lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực (Bắc thuộc, Đại Việt), lớp văn hóa giao lưu với phương Tây và toàn cầu hóa hiện nay (thời kỳ Pháp thuộc và từ sau 1945). | T2 |
| G2.4 | *Nêu được* những điều kiện (địa VH, sử VH) góp phần tạo nên đặc điểm cơ bản của văn hóa VN và *trình bày* được đặc điểm cơ bản của văn hóa Việt Nam. | T2 |
| G2.5 | *Suy luận* được tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam (từ các góc độ chủ thể VH, không gian văn hóa và các vùng văn hóa, tiến trình VH). | T2 |
| G3.1 | *Trình bày* được đặc điểm của văn hóa vật chất Việt Nam, về:   * Hoạt động sản xuất * Ẩm thực * Trang phục * Cư trú * Giao thông | T2U |
| G3.2 | *Vận dụng để phân tích* một cách khái quát ảnh hưởng của văn hóa vật chất truyền thống trong đương đại. | T3U |
| G4.1 | *Trình bày* được đặc điểm của văn hóa tinh thần Việt Nam, về:   * Nhận thức * Tín ngưỡng - tôn giáo * Phong tục lễ hội * Các loại hình nghệ thuật | T2U |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| G4.2 | *Vận dụng để phân tích* một cách khái quát ảnh hưởng của văn hóa tinh thần truyền thống trong đương đại. | T3U |
| G5.1 | *Trình bày* được đặc điểm của văn hóa xã hội Việt Nam, về:   * Tổ chức xã hội * Ứng xử với môi trường xã hội | T2U |
| G5.2 | *Vận dụng để phân tích* một cách khái quát ảnh hưởng của văn hóa xã hội truyền thống trong đương đại. | T3U |

**6. Đánh giá môn học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x)**  **(2)** | **CĐR môn học (G.x.x)**  **(3)’** | **Tỷ lệ %**  **(4)** |
| A1. Đánh giá quá trình (nếu có) | A1.1 Trả lời câu hỏi của giảng viên trong quá trình nghe giảng. | G1.1 - G5.2 | Điểm + vào cột điểm giữa kỳ |
| A1.2 Tham gia đóng góp ý kiến, chia sẻ kiến thức, kỹ năng, phương pháp, nêu thắc mắc,... trong quá trình nghe giảng. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Hình thức đánh giá giữa kỳ linh hoạt, do GV phụ trách lớp quyết định | G1.1 - G4.2  (Hoặc linh hoạt trong khoảng G1.1 - G5.2) | 30% |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Thi cuối kỳ | G1.1 - G5.2 | 70% |

**7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần/ Buổi học | Nội dung | CĐR môn học | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
| 1 | Giới thiệu học phần: giới thiệu đề cương chi tiết môn học, hình thức kiểm tra,.  **Chương I: Văn hóa - cơ sở lý luận và tổng quan về văn hóa Việt Nam**  **Bài 1: Văn hóa - cơ sở lý luận**  ***1.1. Khái niệm “văn hóa”***   * Một số cách hiểu thông dụng về VH * Định nghĩa khoa học về VH: của E.B.Tylor, của Unessco và Trần Ngọc Thêm (có thể mở rộng một số định nghĩa khác).  1. ***Đặc trưng của VH***: đặc trưng cơ bản: tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh, tính lịch sử (có thể mở rộng một số đặc trưng khác). 2. ***Chức năng của VH***: chức năng cơ bản: tổ chức và điều chỉnh xã hội, giao tiếp - giao lưu văn hóa, giáo dục, đảm bảo tính kế tục của lịch sử (có thể mở rộng một số chức năng khác). 3. ***Cấu trúc của hệ thống VH***  * Các cách xây dựng cấu trúc của hệ thống văn hóa: hai thành tố (VH vật chất - VH tinh thần; VH vật thể - VH phi vật thể); ba thành tố (VH vật chất - VH tinh thần - VH xã hội; VH nhận thức - VH tổ chức - VH ứng xử); (có thể mở rộng cách xây dựng khác mang tính chất bổ sung). * VH là một hệ thống, việc phân chia thành tố có ý nghĩa tương đối, điều quan trọng là phân tích | G1.1,  G1.2,  G1.3,  G1.4 | Theo phương pháp giảng dạy của GV phụ trách. Sv đọc trước tài liệu ở nhà. | A1  A2 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | được mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống.  ***1.5. Một số khái niệm liên quan***  - Văn minh  - Văn hiến, văn vật |  |  |  |
| 2 | **Chương 1**  **Bài 2: Tổng quan về văn hóa Việt Nam**   1. ***Chủ thể VH VN***: VN là quốc gia đa tộc người, chủ thể VH VN là cộng đồng dân tộc thống nhất gồm 54 tộc người, giải thích nguồn gốc dân tộc VN. 2. ***Không gian VH và các vùng VH Việt Nam***  * Không gian văn hóa Việt Nam; * Vị trí địa lý, điều kiện địa lý, tự nhiên; * Các vùng VH: số lượng vùng (theo quan điểm 6 vùng VH), địa lí-tự nhiên mỗi vùng, các tộc người cư trú và đặc trưng văn hóa vùng. * Những điều kiện có tính hằng số góp phần tạo nên đặc điểm cơ bản của VH VN:   + Điều kiện: (địa VH) nắng nóng, ẩm, mưa nhiều, sông ngòi, vị trí giao điểm của các nền văn hóa, văn minh; (sử VH) trong lịch sử, tiếp xúc với VH Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây;.  + Đặc điểm VH nông nghiệp lúa nước (đặc trưng lối nhận thức, tư duy; lối ứng xử với MTTN, MTXH, lối tổ chức cộng đồng,.).  ***2.3. Tiến trình VH VN***   * Phân kỳ lịch sử VH VN (3 lớp văn hóa và 6 giai đoạn (thời kỳ) lịch sử). * Cách phân kỳ gắn với giai đoạn lịch sử của dân tộc (Trần Quốc Vượng,.). * Cách phân kỳ theo lớp VH kết hợp giai đoạn lịch sử (Trần Ngọc Thêm). * Thành tựu tiêu biểu qua các giai đoạn, đặc biệt là VH Đông Sơn thuộc lớp bản địa của VH VN, làm nền tảng cho quá trình giao lưu và tiếp biến văn hoá về sau.   ***2.4. Tính thống nhất và đa dạng của VH VN***   * Thống nhất: chủ thể VH VN (cùng cội nguồn), định hình trên cùng không gian VH, tương đồng về môi trường địa lý tự nhiên, gắn kết nhau trong quá trình phát triển lịch sử, . * Đa dạng: đa tộc người (đa dạng ở VH tộc người), đa dạng ở vùng VH, đa dạng trong mối quan hệ giao lưu tiếp xúc (với khu vực và hội nhập theo xu hướng toàn cầu hóa). | G2.1,  G2.2,  G2.3,  G2.4,  G2.5 | Theo phương pháp giảng dạy của GV phụ trách.  Sv đọc trước tài liệu ở nhà. | A1  A2 |
| 3 | **Chương II: Văn hóa vật chất**  ***2.1. Hoạt động sản xuất***   * Nông nghiệp và nghề truyền thống; .   ***2.2. Ẩm thực***   * Đặc điểm ăn uống theo lối sống định cư và nghề nông truyền thống * Đặc điểm ăn uống phù hợp, thích nghi với MTTN (nắng nóng, ẩm, mưa nhiều, sông ngòi, hệ thực vật phong phú,.). | G3.1,  G3.2 | Theo phương pháp giảng dạy của GV phụ trách. Sv đọc trước tài liệu ở nhà. | A1  A2 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | - Lối ứng xử cộng đồng trong ăn uống (tính cộng đồng, tính mực thước, ý tứ, ứng xử tế nhị, hiếu khách, giữ nhân phẩm, danh dự qua cái ăn, coi trọng tính thực tế của cái ăn, quan điểm, những tập tục trong ăn uống...).   * Tri thức về ẩm thực (hài hòa âm dương,...), vấn đề ăn uống và sức khỏe.   ***2.3. Trang phục***   * Đặc điểm trang phục: phù hợp, thích nghi với MTTN (nắng nóng, ẩm, mưa nhiều, sông nước, nhiều loại thực vật cung cấp nguồn nguyên liệu,...) và điều kiện kỹ thuật dệt may của VN. * Đặc điểm trang phục phù hợp với tư tưởng truyền thống XH VN.   ***2.4. Cư trú***   * Đặc điểm cư trú: phù hợp, thích nghi với MTTN (nắng nóng, ẩm, mưa nhiều, sông nước,.) * Tri thức về xây dựng, sắp xếp không gian cư trú.   ***2.5. Giao thông***   * Đặc điểm giao thông: phù hợp, thích nghi với MTTN (sông nước) => phương tiện giao thông, loại hình giao thông * Một số tập tục và quan niệm đi lại (những điều nên làm, cấm kỵ,.) * Ứng xử cộng đồng trong tham gia giao thông.   ***\* Mở rộng phần VH vật chất***: tiếp thu yếu tố hiện đại trong ăn, mặc, ở, đi lại; vấn đề quảng bá văn hóa VN ra thế giới qua phương tiện vật chất; vấn đề chuyển đổi ngành nghề, phương thức,... chuyển đổi sang nền công nghiệp hiện đại; v.v.. |  |  |  |
| 4 | **Chương III: Văn hóa tinh thần**  ***3.1. Nhận thức***   * Triết lý âm dương, ngũ hành (một trong những thành tựu của lối nhận thức kinh nghiệm, tổng hợp, trọng quan hệ) và vận dụng lý giải một số phong tục, quan niệm, lối sống. trong thực tiễn cuộc sống. * Giới thiệu 3 loại lịch (lịch thuần âm, lịch thuần dương, lịch âm dương) và hệ can chi. * Ứng dụng trong xã hội cổ truyền và đương đại.   \* ***Mở rộng***: Tư duy nhận thức hiện đại: thiên về thực nghiệm, lý tính, phân tích, tổng hợp bậc cao; tiếp nhận và phát triển tư duy khoa học; v.v.. (Một số thành tựu về tri thức, tư tưởng,... hiện đại).  ***3.2. Tín ngưỡng — tôn giáo***   * Tín ngưỡng: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thành hoàng,. * Tôn giáo: Các tôn giáo tiếp nhận từ nền VH khác qua giao lưu tiếp xúc VH => Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Thiên Chúa giáo,... (giới thiệu cơ bản về tôn giáo, quá trình truyền bá vào | G4.1,  G4.2 | Theo phương pháp giảng dạy của GV phụ trách. Sv đọc trước tài liệu ở nhà. | A1  A2 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | VN, đặc điểm bản địa hóa,...).  - Các tôn giáo xuất hiện ở bản địa: kết quả của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo,...  \* ***Mở rộng***: một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo hiện đại, vấn đề tiếp nhận tư tưởng mới trong quá trình hội nhập, v.v.. |  |  |  |
| 5 | **Chương III: Văn hóa tinh thần (tt)**  ***3.3. Phong tục lễ hội***   * Phong tục theo vòng đời (phong tục theo vòng đời con người: sinh, trưởng thành, hôn nhân, lên lão, chết) * Phong tục theo chu kỳ lịch tiết (lễ tết, lễ hội) * ***Mở rộng***: tình trạng tồn tại và phát triển của phong tục trong XH đương đại (phương thức giữ gìn phong tục tập quán, loại bỏ hủ tục,.).   ***3.4. Nghệ thuật***   * **N**ghệ thuật tạo hình * Nghệ thuật biểu diễn * Nghệ thuật ngôn từ * ***Mở rộng***: Hiện trạng của nghệ thuật truyền thống trong XH đương đại (bảo tồn - phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống,.), vấn đề tiếp nhận loại hình nghệ thuật mới;.   KIỂM TRA GIỮA KỲ (hoặc buổi 4) | G4.1,  G4.2 | Theo phương pháp giảng dạy của GV phụ trách. Sv đọc trước tài liệu ở nhà. | A1  A2 |
| 6 | **Chương IV: Văn hóa xã hội**   1. **Tổ chức xã hội** 2. ***Tổ chức gia đình gia tộc***  * Đặc điểm tổ chức gia đình - gia tộc.   ***4.1.2. Tổ chức nông thôn***   * Nguyên tắc tổ chức [(05 nguyên tắc: theo huyết thống (gia đình, gia tộc), theo địa bàn cư trú (xóm, làng), theo nghề nghiệp, sở thích (phường, hội), theo truyền thống nam giới (giáp), theo đơn vị hành chính (thôn, xã)]. * Đặc trưng cơ bản của nông thôn VN (tính cộng đồng, tính tự trị). * Ưu nhược điểm trong tính cách con người và liên hệ tác động đến ngày nay. * Đặc điểm làng Nam bộ (trong so sánh với Bắc bộ) [sự ra đời, cấu trúc làng, thành phần dân cư, tâm lý, tình cảnh, tính cách văn hóa vùng, hình thái mưu sinh, tôn giáo, tín ngưỡng, . Rút ra so sánh].   ***4.1.3. Tổ chức quốc gia***   * Đặc điểm tổ chức quốc gia VN. * Làng nước: liên kết làng * Hệ thống chính trị * Quan hệ triều đình và địa phương   ***4.1.4. Tổ chức đô thị***   * Nguồn gốc và chức năng của đô thị * Đặc điểm đô VN trong lịch sử * Đô thị VN hiện nay.   \* ***Mở rộng phần “tổ chức xã hội”***: một số vấn đề về gia đình, nông thôn, đô thị, quốc gia đương | G5.1,  G5.2 | Theo phương pháp giảng dạy của GV phụ trách. Sv đọc trước tài liệu ở nhà. | A1 |

*thông báo cho SV), linh hoạt phân tiểu mục trong chương và mở rộng nội dung vận dụng, nội dung đương đại,... chỉ cần* ***đảm bảo*** *đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần.*

|  | đại (việc xây dựng nông thôn mới, đô thị, nhà nước pháp quyền hiện nay, tố chất con người VN cần cho sự phát triển đất nước,...). Mở rộng một số tổ chức khác trong xã hội đương đại.  **4.2. Ứng xử trong môi trường xã hội**   1. ***Giao tiếp ứng xử của người VN trong xã hội***   - Đặc trưng giao tiếp ứng xử trong xã hội (cấp độ cá thể): hiếu khách, tình cảm, trọng danh dự, trọng hòa thuận, ý tứ, tế nhị, ưa tìm hiểu đối tượng,...  ***Mở rộng***: lối ứng xử xã hội của con người VN hiện đại (ưu điểm, hạn chế), cách đánh giá / nhìn nhận của bạn bè quốc tế.   1. ***Giao tiếp ứng xử của VN với các nền văn hóa khác***   - Đặc trưng giao tiếp ứng xử của Việt Nam khi tiếp xúc với các nền VH khác: tiếp nhận, dung hợp, bản địa hóa.  ***Mở rộng***: giao lưu tiếp xúc của VN hiện nay và vấn đề tiếp nhận yếu tố bên ngoài.  **TỔNG KẾT**: Nhận diện được những vấn đề cơ bản của văn hóa, ứng dụng một cách sáng tạo thành tựu văn hóa Việt Nam trong hội nhập và phát triển |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **KIỂM TRA CUỐI KỲ** (thời gian theo kế hoạch của Trường) | G1.1 -  G5.2 | Sv ôn bài trước ở nhà | A3 |

Lưu ý: GV phụ trách lớp có thể linh hoạt điều chỉnh kế hoạch giảng dạy trong các buổi (có

1. Quy định của môn học

- Sinh viên đi học đúng giờ và tham dự thời gian lên lớp đúng quy định.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học.

- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành: tin học cơ bản

- Một số quy định khác của GV trực tiếp phụ trách

1. Phụ trách môn học

*-* Khoa: Văn hóa học

- Địa chỉ: số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM, văn phòng A.204

- Phụ trách giảng dạy: Giảng viên khoa Văn hóa học

*-* Email: [vanhoahoc@hcmussh.edu.vn](mailto:vanhoahoc@hcmussh.edu.vn)

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 5 năm 2021*

**DUYỆT NGƯỜI VIẾT ĐỀ CƯƠNG P. TRƯỞNG KHOA**